



Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

PHẦN I - ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

Năm 2024 là một năm nhiều khó khăn và thách thức đối với thị trường tiêu thụ sản phẩm sữa vệ sinh. Trong tình hình đó, với sự chỉ đạo sát sao của Tổng công ty Viglacera – CTCP, sự điều hành quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và sự đoàn kết, quyết tâm, nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty CP Sữa Viglacera Thanh Trì đã vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch đề ra.

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2024:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH năm 2023	Năm 2024		% TH 2024/TH 2023	% TH 2024/KH 2024
				Kế hoạch	Thực hiện		
I	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH						
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	145	-3.683	-991		
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	4.973	4.821	4.770	96%	99%
3	Lao động và thu nhập						
+	Lao động bình quân	Người	272	250	240	88%	96%
+	Thu nhập bình quân	1.000đ	12.879	13.949	13.371	104%	96%
4	Dư nợ và TP tồn kho						
+	Phải thu KH (TK 131)	Tr.đ	36.857	30.000	31.969	87%	107%
+	Giá trị TP tồn kho VLXD	Tr.đ	39.537	21.255	13.948	35%	66%
II	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC						
1	Giá trị SXKD (Giá HH)	Tr.đ	166.953	148.520	143.399	86%	97%
2	Doanh thu	Tr.đ	162.555	173.728	173.831	107%	100%
3	Đầu tư XDCB	Tr.đ	2.304	1.470	1.492	65%	101%
4	Nộp NSNN	Tr.đ	8.002	7.087	9.887	124%	140%
5	Sản lượng sản xuất	Sp	246.631	210.000	221.121	90%	105%
6	Sản lượng tiêu thụ	Sp	277.575	240.000	256.273	92%	107%
7	Sản lượng tồn kho	Sp	73.844	43.883	38.117	52%	87%
8	Tỷ lệ thu hồi đầu cuối	%	75,1	76,0	82,1	109%	108%
9	Tỷ lệ thu hồi nung	%	83,7	84,0	87,8	105%	105%

1. Lợi nhuận

- Năm 2024 lợi nhuận trước thuế của Công ty lỗ 991 triệu đồng so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua là lợi nhuận trước thuế lỗ 3,683 tỷ đồng.

Theo kế hoạch xây dựng đầu năm: Công ty dừng sản xuất từ 01/01 đến 15/04: là 3,5 tháng. Do lượng hàng tồn kho đến thời điểm 15/04 là 47.688 sản phẩm tương đương gần 02 tháng sản xuất, vì vậy đến ngày 28/05 Công ty mới sản xuất trở lại. Chi phí dừng sản xuất 5 tháng đầu năm 2024 là 14,078 tỷ đồng/KH 9,405 tỷ đồng, TH tăng so với KH là 4,673 tỷ đồng.

2. Thu nhập bình quân người lao động

Đảm bảo chi trả tiền lương cho người lao động theo đúng Thỏa ước Lao động tập thể đã ký, với thu nhập bình quân người lao động đạt 13,371 triệu đồng/người/tháng đạt 96% kế hoạch năm (do công ty dừng sản xuất thêm 1,5 tháng so với kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua), và bằng 104% so với năm 2023.

3. Dư nợ phải thu và hàng tồn kho:

- Dư nợ phải thu đến 31/12/2024 còn 31,969 tỷ đồng bằng 107% kế hoạch, trong đó nợ phải thu khó đòi là 15,818 tỷ đồng và đã được trích lập xong từ những năm trước.

- Tồn kho sản phẩm đến 31/12/2024 là 38.117 sản phẩm bằng 87% kế hoạch năm, tương đương giá trị tồn 13,948 tỷ đồng bằng 66% kế hoạch năm.

II. Đánh giá tình hình thực hiện năm 2024

1. Công tác sản xuất:

- Thời gian sản xuất là 07 tháng từ ngày 28/05/2024 đến ngày 31/12/2024 (ngắn hơn kế hoạch đã được ĐHCĐ thông qua là 1,5 tháng). Thời gian dừng lò từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 27/05/2024 (dừng dài hơn kế hoạch 1,5 tháng). Công ty đã tổ chức thực hiện dừng lò, bảo dưỡng máy móc thiết bị, đào tạo, chuẩn bị nhân lực, nguyên nhiên vật liệu để sản xuất theo đúng phương án, tiến độ đã duyệt.

- Về nhân lực: từ tháng 5/2024 đã tái cơ cấu, sắp xếp lại nhân lực, tinh gọn, nâng cao năng suất lao động, số lượng lao động bình quân năm 2024 là 240 người so với kế hoạch năm là 250 người.

- Chất lượng sản phẩm: chủ động triển khai và thường xuyên phối hợp với Trung tâm R&D và Viện nghiên cứu phát triển Viglacera kiểm soát tất cả sản phẩm sản xuất đạt theo TCCS SVS 03(1-5)/2021.

- Để chuẩn bị cho năm 2025 xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc công ty đã sửa đổi lại hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015, 14001:2015, các quy trình quy định kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm tất cả các công đoạn đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn KS của Hàn Quốc.

Hoàn thành đánh giá theo tiêu chuẩn KS L 1551 của Hàn Quốc trong tháng 12/2024.

- Khâu KCS năm 2024 bảo hành 187 sản phẩm, chiếm tỷ lệ 0,08% sản lượng sản xuất, so với mức khoán của Ban Sứ vệ sinh giao là 0,1% (tương đương 12% trên tổng số sản phẩm bảo hành của Ban SVS).

- Tỷ lệ thu hồi đã tăng dần ngay đầu sản xuất trong đó bột liên từ tháng 06/2024 đã vượt kế hoạch năm 2024 do bài hồ xương, men phù hợp với tình hình, sử dụng các nguyên liệu mới. Đưa vào sử dụng đất sét, cao lanh của nhà cung cấp mới. Tiếp tục sử dụng nhôm ôxít SRM30 cùng với đó là điều chỉnh thay đổi bài men phù hợp giúp tăng chất lượng sản phẩm, giảm các khuyết tật như: co men, bọt khí, kém trắng...

- Về chi phí: đã rà soát, đàm phán giá nguyên vật liệu đầu vào, kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất, tiết giảm các chi phí chưa cấp thiết, tiết kiệm tất cả các chi phí trong sản xuất và vận hành Công ty (điện, nước, thạch cao, vật tư công cụ dụng cụ...). Từ đó giá thành sản xuất năm 2024 là 21.415 đồng/kg sứ giảm 2,38% so với KH năm (21.937 đồng/kg sứ), giảm 4,27% so với thực hiện năm 2023 (22,371 đồng/kg sứ).

2. Phát triển sản phẩm mới:

- Năm 2024, thực hiện kế hoạch làm khuôn mẹ 4 mẫu mới các loại bột CC-282, chậu CL-370 xuất khẩu Hàn Quốc, bột BT6 xuất khẩu Ý, bột V825 nội địa.

- Nghiên cứu, hoàn thiện công nghệ sản xuất bột V37V, chậu CL-384 để sớm triển khai sản xuất đại trà.

3. Công tác đầu tư:

- Hoàn thành đầu tư 3 băng bột liên, bột rời để nâng cao năng lực đồ rót với giá trị là 1,044 tỷ đồng. Đồng thời hoàn thành hạng mục mua sắm Cánh quạt Q2 cho lò nung Tunnel (chuyển tiếp của năm 2023 sang) với giá trị là 448 triệu đồng.

4. Công tác bán hàng:

- Đáp ứng đủ tất cả các đơn hàng của Công ty Thương mại và cung cấp hàng theo đúng tiến độ đã thống nhất theo Kế hoạch đặt hàng từng tháng và các đơn đặt hàng bổ sung của Công ty Thương mại.

- Doanh thu tiêu thụ năm 2024 là 173,831 tỷ đồng đạt 100% so với KH năm (173,728 tỷ đồng), sản lượng tiêu thụ là 256.273 sản phẩm đạt 107% so với KH năm (240.000 sản phẩm), trong đó sản lượng tiêu thụ bột liên là 58.119 sản phẩm đạt 101% so với KH năm (57.500 sản phẩm). Công ty đã tích cực phối hợp với Công ty Thương mại rà soát kế hoạch bán hàng từng quý, từng tháng.

Như vậy, năm 2024 vừa qua dù gặp rất nhiều khó khăn, thách thức về thị trường và công tác tiêu thụ sản phẩm, dưới sự chỉ đạo của Tổng công ty Viglacera,

sự phối hợp của Công ty CP Thương mại Viglacera và các đơn vị trong Ban Sứ vệ sinh, Công ty đã chủ động linh hoạt và quyết liệt triển khai các giải pháp đồng bộ vượt qua khó khăn, duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, giảm sản phẩm tồn kho đạt kế hoạch, phát triển thêm các mẫu sản phẩm mới để chuẩn bị cho các năm tiếp theo.

PHẦN II - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

Căn cứ Kế hoạch đặt hàng bao tiêu sản phẩm của Công ty CP Thương mại, Công ty xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 với dự kiến hoạt động sản xuất 11 tháng.

I. Các chỉ tiêu chính Kế hoạch SXKD và đầu tư phát triển năm 2025:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2024	KH năm 2025	Chia từng quý				% KH 2025/ TH 2024
					Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	
I	CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH								
1	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	-991	11.505	-559	3.591	3.919	4.554	
2	Khấu hao TSCĐ	Tr.đ	4.770	4.869	1.206	1.220	1.229	1.214	102%
3	Lao động và thu nhập								
+	Lao động bình quân	Người	240	279	279	279	279	279	116%
+	Thu nhập bình quân	1.000đ	13.371	17.509	14.422	18.768	18.648	18.199	131%
4	Dư nợ và TP tồn kho								
+	Phải thu KH (TK 131)	Tr.đ	31.969	31.975	31.975	32.113	32.270	31.975	100%
+	Giá trị TP tồn kho VLXD	Tr.đ	13.948	15.360	15.834	15.773	16.035	15.360	110%
II	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC								
1	Giá trị SXKD (Giá HH)	Tr.đ	143.399	239.823	43.485	64.542	65.294	66.501	167%
2	Doanh thu	Tr.đ	173.831	240.290	43.724	64.561	64.857	67.148	138%
3	Đầu tư XDCB	Tr.đ	1.492	3.159	2.295	864			212%
4	Nộp NSNN	Tr.đ	9.887	13.306	1.721	3.711	2.936	4.938	135%
5	Sản lượng sản xuất	Sp	221.121	333.110	66.360	88.650	88.960	89.140	151%
6	Sản lượng tiêu thụ	Sp	256.273	333.110	63.964	88.741	88.780	91.625	130%
7	Sản lượng tồn kho	Sp	38.117	38.212	40.608	40.517	40.697	38.212	100%
8	Tỷ lệ thu hồi đầu cuối	%	82,1	78,7	78,7	78,1	78,8	79,0	96%
9	Tỷ lệ thu hồi nung	%	87,8	86,7	86,9	86,3	86,6	86,6	99%

Chi phí dừng sản xuất dự kiến năm 2025 là 1,537 tỷ đồng.

II. Nhiệm vụ trọng tâm

- Nhiệm vụ chính trong thời gian dừng sản xuất (22 ngày): Tiếp tục rà soát, tuyển thêm lao động cho phù hợp tình hình thực tế với mục tiêu đảm bảo cho kế hoạch sản xuất. Đào tạo lại người lao động, bảo dưỡng máy móc thiết bị, củng cố công nghệ sản xuất nhằm nâng cao tỷ lệ thu hồi, hạ giá thành sản phẩm ngay sau khi sản xuất trở lại. Phối hợp với Công ty Thương mại sản xuất và tiêu thụ sản phẩm tồn kho, cơ cấu mẫu sản phẩm, phát triển sản phẩm mới.

- Chủ động đưa ra phương án đổi mới cập nhật ứng dụng công nghệ mới trong sản xuất, các công đoạn quan trọng, then chốt (Băng áp lực cao cho Tạo hình, Robot cho phun men và Băng tải vận chuyển sản phẩm cho Kiểm tra hoàn thiện mộc); gia tăng tỷ trọng tự động hóa, cơ giới hóa các công đoạn sản xuất.

- Đánh giá công việc từng phân xưởng sản xuất, phòng ban, cá nhân, các việc đã làm được cũng như những việc chưa làm được. Từ đó rà soát, lập và triển khai kế hoạch công việc trong giai đoạn chuẩn bị sản xuất và khi sản xuất trở lại. Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ thu hồi. Tiếp tục hoàn thiện quy trình công nghệ để tiết giảm chi phí lao động, giảm tiêu hao nguyên nhiên vật liệu tại các công đoạn sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng, giá thành sản phẩm.

- Tồn kho: Tồn kho cuối năm 2025 là 38.212 sản phẩm, trong đó bột liên là 8.653 sản phẩm.

- Tỷ lệ thu hồi đầu cuối đạt $\geq 78\%$, thu hồi nung đạt $\geq 86\%$.

- Giá thành sản xuất 21.494 đồng/kg sứ.

- Chất lượng sản phẩm: chất lượng đạt tiêu chuẩn TCCS; các sản phẩm mới đạt tiêu chuẩn tương đương Inax.

- Tiêu thụ: bám sát diễn biến thị trường, theo Kế hoạch đặt hàng năm 2025 của Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera, sản lượng tiêu thụ là 333.110 sản phẩm, doanh thu 240,290 tỷ đồng (trong đó doanh thu phần sứ 188,489 tỷ đồng).

+ Sản lượng tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu là 147.310 sản phẩm, chiếm 44% tổng sản lượng tiêu thụ; doanh thu xuất khẩu là 106,061 tỷ đồng, chiếm 44% doanh thu.

- Công tác nguyên nhiên liệu: Tiếp tục lựa chọn các nhà cung cấp có chất lượng tốt, giá hợp lý để tiết giảm chi phí sản xuất. Ổn định bài hồ, bài men trên cơ sở hệ thống nhà cung cấp hiện tại. Tiếp tục thực hiện dự trữ nguyên liệu đất sét và cao lanh 3 tháng đến 1 năm tại Công ty và tại nhà cung cấp. Lựa chọn thêm các nhà cung cấp, tiếp tục thử nghiệm các loại nguyên liệu mới đảm bảo luôn có nguồn dự phòng bổ sung, thay thế, giá cả cạnh tranh.

- Khảo sát, phối hợp các đơn vị xây dựng phương án triển khai gia công nguyên liệu tập trung, thống nhất cho các đơn vị sản xuất.

- Sản phẩm mới: phối hợp với Trung tâm R&D, trên cơ sở đánh giá thị trường, chủ động phối hợp với Công ty Thương mại, Công ty chủ động xây dựng và phát triển mẫu cho các sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

+ Sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới chiếm 22% tổng sản lượng tiêu thụ (trong đó sản lượng tiêu thụ sản phẩm mới xuất khẩu chiếm 51% tổng sản lượng xuất khẩu tiêu thụ).

- Công tác kinh doanh: tích cực hợp tác phối hợp với Công ty Thương mại trong công tác đặt hàng và cung cấp hàng, hỗ trợ thị trường, đưa sản phẩm mới ra tiêu thụ, lập kế hoạch bán hàng tồn kho tồn đọng từ năm 2024 trở về trước.

- Công tác đầu tư: Tổng vốn đầu tư XDCB là 3,159 tỷ đồng, tập trung vào băng bệt nâng cao năng lực đổ rót, các thiết bị băng chuyên giảm sức lao động nặng nhọc, và các thiết bị lò nung Tunnel.

- Chấp hành đúng các quy định về thuế, các chế độ đối với người lao động: nghiêm túc triển khai theo các quy định, quy chế và thỏa ước lao động, đặc biệt là các chế độ với người lao động trong thời gian dừng sản xuất.

- Tiếp tục rà soát, đẩy mạnh công tác khoán quản các công đoạn sản xuất trong công ty.

Trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮ VIGLACERA THANH TRÌ ✓



TỔNG GIÁM ĐỐC
Khuất Quang Chức

